



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY & CÁP ĐIỆN TRẦN PHÚ CÁP ĐIỆN HẠ THỂ

(Thời gian áp dụng: từ ngày 25/01/2026)

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1 (IEC 60502-1), TCVN 6612 (IEC 60228), AS - NZS 5000.1.

Điện áp sử dụng: 0,6/1kV

"Khách hàng có thể đặt hàng các chủng loại sản phẩm không có trong bảng giá"

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				ĐVT	Đơn giá	
		Dây pha		Trung tính			Chưa bao gồm VAT (8%)	Bao gồm VAT (8%)
		Số sợi	ĐK/Kiểu ruột dẫn	Số sợi	ĐK/Kiểu ruột dẫn			
I. CÁP ĐƠN - HẠ THỂ (Cu/PVC)								
1	Cáp CV- 10	7	Compact			m	46,111	49,800
2	Cáp CV- 16	7	Compact			m	75,000	81,000
3	Cáp CV- 25	7	Compact			m	119,352	128,900
4	Cáp CV- 35	7	Compact			m	163,704	176,800
5	Cáp CV- 50	19	Compact			m	227,315	245,500
6	Cáp CV- 70	19	Compact			m	320,463	346,100
7	Cáp CV- 95	19	Compact			m	439,815	475,000
8	Cáp CV- 120	19	Compact			m	552,315	596,500
9	Cáp CV- 150	19	Compact			m	688,704	743,800
10	Cáp CV- 185	37	Compact			m	863,704	932,800
11	Cáp CV- 240	37	Compact			m	1,124,630	1,214,600
12	Cáp CV- 300	61	Compact			m	1,376,759	1,486,900
13	Cáp CV- 400	61	Compact			m	1,770,093	1,911,700
II. CÁP 1 LỖI - HẠ THỂ (Cu/PVC/PVC)								
14	Cáp CVV-1x2.5	7	2,01			m	16,944	18,300
15	Cáp CVV-1x4.0	7	2,55			m	24,630	26,600
16	Cáp CVV-1x6.0	7	3,12			m	34,815	37,600
17	Cáp CVV-1x10	7	Compact			m	51,204	55,300
18	Cáp CVV-1x16	7	Compact			m	82,222	88,800
19	Cáp CVV-1x25	7	Compact			m	131,852	142,400
20	Cáp CVV-1x35	7	Compact			m	179,444	193,800
21	Cáp CVV-1x50	19	Compact			m	242,315	261,700
22	Cáp CVV-1x70	19	Compact			m	342,685	370,100
23	Cáp CVV-1x95	19	Compact			m	478,611	516,900
24	Cáp CVV-1x120	19	Compact			m	601,481	649,600
25	Cáp CVV-1x150	19	Compact			m	755,185	815,600
26	Cáp CVV-1x185	37	Compact			m	947,778	1,023,600
27	Cáp CVV-1x240	37	Compact			m	1,188,426	1,283,500
28	Cáp CVV-1x300	61	Compact			m	1,568,333	1,693,800
29	Cáp CVV-1x400	61	Compact			m	1,955,926	2,112,400

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				ĐVT	Đơn giá	
		Dây pha		Trung tính			Chưa bao gồm VAT (8%)	Bao gồm VAT (8%)
		Số sợi	ĐK/Kiểu ruột dẫn	Số sợi	ĐK/Kiểu ruột dẫn		VNĐ	VNĐ
III. CÁP 2 LỖI - HẠ THỂ (Cu/PVC/PVC)								
30	Cáp CVV-2x2.5	7	2,01			m	31,296	33,800
31	Cáp CVV-2x4.0	7	2,55			m	50,000	54,000
32	Cáp CVV-2x6.0	7	3,12			m	69,352	74,900
33	Cáp CVV-2x10	7	Compact			m	105,463	113,900
34	Cáp CVV-2x16	7	Compact			m	178,981	193,300
35	Cáp CVV-2x25	7	Compact			m	261,667	282,600
36	Cáp CVV-2x35	7	Compact			m	369,630	399,200
37	Cáp CVV-2x50	19	Compact			m	500,093	540,100
38	Cáp CVV-2x70	19	Compact			m	688,519	743,600
39	Cáp CVV-2x95	19	Compact			m	942,407	1,017,800
40	Cáp CVV-2x120	19	Compact			m	1,157,685	1,250,300
41	Cáp CVV-2x150	19	Compact			m	1,373,333	1,483,200
42	Cáp CVV-2x185	37	Compact			m	1,705,370	1,841,800
43	Cáp CVV-2x240	37	Compact			m	2,230,093	2,408,500
44	Cáp CVV-2x300	61	Compact			m	2,795,000	3,018,600
45	Cáp CVV-2x400	61	Compact			m	3,562,037	3,847,000
IV. CÁP 3 LỖI - HẠ THỂ (Cu/PVC/PVC)								
46	Cáp CVV-3x2.5	7	2,01			m	44,907	48,500
47	Cáp CVV-3x4.0	7	2,55			m	73,704	79,600
48	Cáp CVV-3x6.0	7	3,12			m	102,315	110,500
49	Cáp CVV-3x10	7	Compact			m	152,778	165,000
50	Cáp CVV-3x16	7	Compact			m	239,907	259,100
51	Cáp CVV-3x25	7	Compact			m	374,630	404,600
52	Cáp CVV-3x35	7	Compact			m	504,630	545,000
53	Cáp CVV-3x50	19	Compact			m	736,296	795,200
54	Cáp CVV-3x70	19	Compact			m	967,870	1,045,300
55	Cáp CVV-3x95	19	Compact			m	1,309,537	1,414,300
56	Cáp CVV-3x120	19	Compact			m	1,636,759	1,767,700
57	Cáp CVV-3x150	19	Compact			m	2,106,019	2,274,500
58	Cáp CVV-3x185	37	Compact			m	2,540,926	2,744,200
59	Cáp CVV-3x240	37	Compact			m	3,179,074	3,433,400
60	Cáp CVV-3x300	61	Compact			m	4,195,556	4,531,200
V. CÁP (3+1) LỖI - HẠ THỂ (Cu/PVC/PVC)								
61	Cáp CVV-(3x2.5+1x1.5)	7	2,01	7	1,56	m	64,167	69,300
62	Cáp CVV-(3x4.0+1x2.5)	7	2,55	7	2,01	m	94,167	101,700
63	Cáp CVV-(3x6.0+1x4.0)	7	3,12	7	2,55	m	131,204	141,700
64	Cáp CVV-(3x10+1x6.0)	7	Compact	7	3,12	m	201,481	217,600
65	Cáp CVV-(3x16+1x10)	7	Compact	7	Compact	m	306,019	330,500
66	Cáp CVV-(3x25+1x16)	7	Compact	7	Compact	m	516,481	557,800
67	Cáp CVV-(3x35+1x16)	7	Compact	7	Compact	m	678,148	732,400
68	Cáp CVV-(3x35+1x25)	7	Compact	7	Compact	m	694,167	749,700
69	Cáp CVV-(3x50+1x25)	19	Compact	7	Compact	m	946,574	1,022,300
70	Cáp CVV-(3x50+1x35)	19	Compact	7	Compact	m	1,003,426	1,083,700

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				ĐVT	Đơn giá	
		Dây pha		Trung tính			Chưa bao gồm VAT (8%)	Bao gồm VAT (8%)
		Số sợi	ĐK/Kiểu ruột dẫn	Số sợi	ĐK/Kiểu ruột dẫn		VNĐ	VNĐ
71	Cáp CVV-(3x70+1x35)	19	Compact	7	Compact	m	1,311,759	1,416,700
72	Cáp CVV-(3x70+1x50)	19	Compact	7	Compact	m	1,430,000	1,544,400
73	Cáp CVV-(3x95+1x50)	19	Compact	7	Compact	m	1,610,185	1,739,000
74	Cáp CVV-(3x95+1x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,706,296	1,842,800
75	Cáp CVV-(3x120+1x70)	19	Compact	19	Compact	m	2,038,611	2,201,700
76	Cáp CVV-(3x120+1x95)	19	Compact	19	Compact	m	2,171,574	2,345,300
77	Cáp CVV-(3x150+1x70)	19	Compact	19	Compact	m	2,452,315	2,648,500
78	Cáp CVV-(3x150+1x95)	19	Compact	19	Compact	m	2,592,870	2,800,300
79	Cáp CVV-(3x150+1x120)	19	Compact	19	Compact	m	2,703,426	2,919,700
80	Cáp CVV-(3x185+1x95)	37	Compact	19	Compact	m	3,102,315	3,350,500
81	Cáp CVV-(3x185+1x120)	37	Compact	19	Compact	m	3,242,685	3,502,100
82	Cáp CVV-(3x185+1x150)	37	Compact	19	Compact	m	3,374,074	3,644,000
83	Cáp CVV-(3x240+1x120)	37	Compact	19	Compact	m	4,027,593	4,349,800
84	Cáp CVV-(3x240+1x150)	37	Compact	19	Compact	m	4,180,093	4,514,500
85	Cáp CVV-(3x240+1x185)	37	Compact	37	Compact	m	4,352,593	4,700,800
86	Cáp CVV-(3x300+1x150)	61	Compact	19	Compact	m	5,042,778	5,446,200
87	Cáp CVV-(3x300+1x185)	61	Compact	37	Compact	m	5,215,370	5,632,600
88	Cáp CVV-(3x300+1x240)	61	Compact	37	Compact	m	5,483,611	5,922,300
VI. CÁP 4 LỖI - HẠ THỂ (Cu/PVC/PVC)								
89	Cáp CVV-4x2.5	7	2,01			m	59,074	63,800
90	Cáp CVV-4x4.0	7	2,55			m	95,463	103,100
91	Cáp CVV-4x6.0	7	3,12			m	132,407	143,000
92	Cáp CVV-4x10	7	Compact			m	201,852	218,000
93	Cáp CVV-4x16	7	Compact			m	313,704	338,800
94	Cáp CVV-4x25	7	Compact			m	493,611	533,100
95	Cáp CVV-4x35	7	Compact			m	654,722	707,100
96	Cáp CVV-4x50	19	Compact			m	862,685	931,700
97	Cáp CVV-4x70	19	Compact			m	1,240,926	1,340,200
98	Cáp CVV-4x95	19	Compact			m	1,736,111	1,875,000
99	Cáp CVV-4x120	19	Compact			m	2,155,556	2,328,000
100	Cáp CVV-4x150	19	Compact			m	2,555,093	2,759,500
101	Cáp CVV-4x185	37	Compact			m	3,342,222	3,609,600
102	Cáp CVV-4x240	37	Compact			m	4,186,019	4,520,900
103	Cáp CVV-4x300	61	Compact			m	5,471,759	5,909,500
VII. CÁP 1 LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC)								
104	Cáp CXV-1x1.5	7	1,56			m	9,722	10,500
105	Cáp CXV-1x2.5	7	2,01			m	14,815	16,000
106	Cáp CXV-1x4.0	7	2,55			m	22,593	24,400
107	Cáp CXV-1x6.0	7	3,12			m	32,870	35,500
108	Cáp CXV-1x10	7	Compact			m	50,093	54,100
109	Cáp CXV-1x16	7	Compact			m	77,963	84,200
110	Cáp CXV-1x25	7	Compact			m	123,796	133,700
111	Cáp CXV-1x35	7	Compact			m	169,352	182,900
112	Cáp CXV-1x50	19	Compact			m	232,963	251,600

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				ĐVT	Đơn giá	
		Dây pha		Trung tính			Chưa bao gồm VAT (8%)	Bao gồm VAT (8%)
		Số sợi	ĐK/Kiểu ruột dẫn	Số sợi	ĐK/Kiểu ruột dẫn		VNĐ	VNĐ
113	Cáp CXV-1x70	19	Compact			m	329,537	355,900
114	Cáp CXV-1x95	19	Compact			m	460,093	496,900
115	Cáp CXV-1x120	19	Compact			m	569,352	614,900
116	Cáp CXV-1x150	19	Compact			m	713,704	770,800
117	Cáp CXV-1x185	37	Compact			m	896,667	968,400
118	Cáp CXV-1x240	37	Compact			m	1,125,000	1,215,000
119	Cáp CXV-1x300	61	Compact			m	1,475,000	1,593,000
120	Cáp CXV-1x400	61	Compact			m	1,914,815	2,068,000
VIII. CÁP 2 LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC)								
121	Cáp CXV-2x1.5	7	1,56			m	21,759	23,500
122	Cáp CXV-2x2.5	7	2,01			m	33,704	36,400
123	Cáp CXV-2x4.0	7	2,55			m	47,685	51,500
124	Cáp CXV-2x6.0	7	3,12			m	69,352	74,900
125	Cáp CXV-2x10	7	Compact			m	106,852	115,400
126	Cáp CXV-2x16	7	Compact			m	163,981	177,100
127	Cáp CXV-2x25	7	Compact			m	250,000	270,000
128	Cáp CXV-2x35	7	Compact			m	340,370	367,600
129	Cáp CXV-2x50	19	Compact			m	465,833	503,100
130	Cáp CXV-2x70	19	Compact			m	676,204	730,300
131	Cáp CXV-2x95	19	Compact			m	922,685	996,500
132	Cáp CXV-2x120	19	Compact			m	1,125,000	1,215,000
133	Cáp CXV-2x150	19	Compact			m	1,404,537	1,516,900
IX. CÁP 3 LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC)								
134	Cáp CXV-3x1.5	7	1,56			m	33,611	36,300
135	Cáp CXV-3x2.5	7	2,01			m	48,519	52,400
136	Cáp CXV-3x4.0	7	2,55			m	70,833	76,500
137	Cáp CXV-3x6.0	7	3,12			m	101,019	109,100
138	Cáp CXV-3x10	7	Compact			m	157,407	170,000
139	Cáp CXV-3x16	7	Compact			m	236,019	254,900
140	Cáp CXV-3x25	7	Compact			m	375,370	405,400
141	Cáp CXV-3x35	7	Compact			m	510,370	551,200
142	Cáp CXV-3x50	19	Compact			m	715,833	773,100
143	Cáp CXV-3x70	19	Compact			m	1,000,000	1,080,000
144	Cáp CXV-3x95	19	Compact			m	1,339,815	1,447,000
145	Cáp CXV-3x120	19	Compact			m	1,657,963	1,790,600
146	Cáp CXV-3x150	19	Compact			m	2,081,852	2,248,400
147	Cáp CXV-3x185	37	Compact			m	2,613,704	2,822,800
148	Cáp CXV-3x240	37	Compact			m	3,443,148	3,718,600
149	Cáp CXV-3x300	61	Compact			m	4,301,204	4,645,300
150	Cáp CXV-3x400	61	Compact			m	5,559,167	6,003,900
X. CÁP (3+1) LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC)								
151	Cáp CXV-(3x2.5+1x1.5)	7	2,01	7	1,56	m	56,389	60,900
152	Cáp CXV-(3x4.0+1x2.5)	7	2,55	7	2,01	m	82,593	89,200
153	Cáp CXV-(3x6.0+1x4.0)	7	3,12	7	2,55	m	119,352	128,900

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				ĐVT	Đơn giá	
		Dây pha		Trung tính			Chưa bao gồm VAT (8%)	Bao gồm VAT (8%)
		Số sợi	ĐK/Kiểu ruột dẫn	Số sợi	ĐK/Kiểu ruột dẫn		VNĐ	VNĐ
154	Cáp CXV-(3x10+1x6.0)	7	Compact	7	3,12	m	183,704	198,400
155	Cáp CXV-(3x16+1x10)	7	Compact	7	Compact	m	284,167	306,900
156	Cáp CXV-(3x25+1x10)	7	Compact	7	Compact	m	406,296	438,800
157	Cáp CXV-(3x25+1x16)	7	Compact	7	Compact	m	460,185	497,000
158	Cáp CXV-(3x35+1x16)	7	Compact	7	Compact	m	588,704	635,800
159	Cáp CXV-(3x35+1x25)	7	Compact	7	Compact	m	659,167	711,900
160	Cáp CXV-(3x50+1x25)	19	Compact	7	Compact	m	806,852	871,400
161	Cáp CXV-(3x50+1x35)	19	Compact	7	Compact	m	897,685	969,500
162	Cáp CXV-(3x70+1x35)	19	Compact	7	Compact	m	1,185,185	1,280,000
163	Cáp CXV-(3x70+1x50)	19	Compact	7	Compact	m	1,238,704	1,337,800
164	Cáp CXV-(3x95+1x50)	19	Compact	7	Compact	m	1,635,185	1,766,000
165	Cáp CXV-(3x95+1x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,727,315	1,865,500
166	Cáp CXV-(3x120+1x70)	19	Compact	19	Compact	m	2,051,204	2,215,300
167	Cáp CXV-(3x120+1x95)	19	Compact	19	Compact	m	2,170,463	2,344,100
168	Cáp CXV-(3x150+1x70)	19	Compact	19	Compact	m	2,487,500	2,686,500
169	Cáp CXV-(3x150+1x95)	19	Compact	19	Compact	m	2,611,296	2,820,200
170	Cáp CXV-(3x150+1x120)	19	Compact	19	Compact	m	2,750,000	2,970,000
171	Cáp CXV-(3x185+1x95)	37	Compact	19	Compact	m	3,156,852	3,409,400
172	Cáp CXV-(3x185+1x120)	37	Compact	19	Compact	m	3,267,037	3,528,400
173	Cáp CXV-(3x185+1x150)	37	Compact	19	Compact	m	3,431,852	3,706,400
174	Cáp CXV-(3x240+1x120)	37	Compact	19	Compact	m	3,909,167	4,221,900
175	Cáp CXV-(3x240+1x150)	37	Compact	19	Compact	m	4,101,204	4,429,300
176	Cáp CXV-(3x240+1x185)	37	Compact	37	Compact	m	4,375,000	4,725,000
177	Cáp CXV-(3x300+1x150)	61	Compact	19	Compact	m	4,943,148	5,338,600
178	Cáp CXV-(3x300+1x185)	61	Compact	37	Compact	m	5,352,315	5,780,500
179	Cáp CXV-(3x300+1x240)	61	Compact	37	Compact	m	5,409,167	5,841,900
XI. CÁP 4 LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC)								
180	Cáp CXV-4x1.5	7	1,56			m	42,037	45,400
181	Cáp CXV-4x2.5	7	2,01			m	62,500	67,500
182	Cáp CXV-4x4.0	7	2,55			m	92,037	99,400
183	Cáp CXV-4x6.0	7	3,12			m	130,648	141,100
184	Cáp CXV-4x10	7	Compact			m	204,537	220,900
185	Cáp CXV-4x16	7	Compact			m	312,500	337,500
186	Cáp CXV-4x25	7	Compact			m	500,000	540,000
187	Cáp CXV-4x35	7	Compact			m	693,148	748,600
188	Cáp CXV-4x50	19	Compact			m	943,148	1,018,600
189	Cáp CXV-4x70	19	Compact			m	1,352,315	1,460,500
190	Cáp CXV-4x95	19	Compact			m	1,846,667	1,994,400
191	Cáp CXV-4x120	19	Compact			m	2,284,167	2,466,900
192	Cáp CXV-4x150	19	Compact			m	2,868,148	3,097,600
193	Cáp CXV-4x185	37	Compact			m	3,594,352	3,881,900
194	Cáp CXV-4x240	37	Compact			m	4,513,704	4,874,800
195	Cáp CXV-4x300	61	Compact			m	5,731,852	6,190,400
196	Cáp CXV-4x400	61	Compact			m	7,429,537	8,023,900

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				ĐVT	Đơn giá	
		Dây pha		Trung tính			Chưa bao gồm VAT (8%)	Bao gồm VAT (8%)
		Số sợi	ĐK/Kiểu ruột dẫn	Số sợi	ĐK/Kiểu ruột dẫn			
XII. CÁP (3+2) LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC)								
197	Cáp CXV-(3x2.5+2x1.5)	7	2,01	7	1,56	m	66,759	72,100
198	Cáp CXV-(3x4.0+2x2.5)	7	2,55	7	2,01	m	98,426	106,300
199	Cáp CXV-(3x6.0+2x4.0)	7	3,12	7	2,55	m	140,648	151,900
200	Cáp CXV-(3x10+2x6.0)	7	Compact	7	3,12	m	214,815	232,000
201	Cáp CXV-(3x16+2x10)	7	Compact	7	Compact	m	334,167	360,900
202	Cáp CXV-(3x25+2x16)	7	Compact	7	Compact	m	503,333	543,600
203	Cáp CXV-(3x35+2x16)	7	Compact	7	Compact	m	640,833	692,100
204	Cáp CXV-(3x35+2x25)	7	Compact	7	Compact	m	721,667	779,400
205	Cáp CXV-(3x50+2x25)	19	Compact	7	Compact	m	902,315	974,500
206	Cáp CXV-(3x50+2x35)	19	Compact	7	Compact	m	992,037	1,071,400
207	Cáp CXV-(3x70+2x35)	19	Compact	7	Compact	m	1,261,296	1,362,200
208	Cáp CXV-(3x70+2x50)	19	Compact	19	Compact	m	1,352,315	1,460,500
209	Cáp CXV-(3x95+2x50)	19	Compact	19	Compact	m	1,695,463	1,831,100
210	Cáp CXV-(3x95+2x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,867,037	2,016,400
211	Cáp CXV-(3x120+2x70)	19	Compact	19	Compact	m	2,177,315	2,351,500
212	Cáp CXV-(3x120+2x95)	19	Compact	19	Compact	m	2,438,704	2,633,800
213	Cáp CXV-(3x150+2x70)	19	Compact	19	Compact	m	2,582,963	2,789,600
214	Cáp CXV-(3x150+2x95)	19	Compact	19	Compact	m	2,831,852	3,058,400
215	Cáp CXV-(3x150+2x120)	19	Compact	19	Compact	m	3,028,333	3,270,600
216	Cáp CXV-(3x185+2x95)	37	Compact	19	Compact	m	3,298,796	3,562,700
217	Cáp CXV-(3x185+2x120)	37	Compact	19	Compact	m	3,515,833	3,797,100
218	Cáp CXV-(3x185+2x150)	37	Compact	19	Compact	m	3,786,296	4,089,200
219	Cáp CXV-(3x240+2x120)	37	Compact	19	Compact	m	4,236,296	4,575,200
220	Cáp CXV-(3x240+2x150)	37	Compact	19	Compact	m	4,506,852	4,867,400
221	Cáp CXV-(3x240+2x185)	37	Compact	37	Compact	m	4,831,852	5,218,400
222	Cáp CXV-(3x300+2x150)	61	Compact	19	Compact	m	5,318,148	5,743,600
223	Cáp CXV-(3x300+2x185)	61	Compact	37	Compact	m	5,588,704	6,035,800
224	Cáp CXV-(3x300+2x240)	61	Compact	37	Compact	m	6,093,148	6,580,600
XIII. CÁP NGẦM 1 LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC/DATA/PVC)								
225	Cáp CXV/DATA-1x25	7	Compact			m	142,037	153,400
226	Cáp CXV/DATA-1x35	7	Compact			m	187,500	202,500
227	Cáp CXV/DATA-1x50	19	Compact			m	250,000	270,000
228	Cáp CXV/DATA-1x70	19	Compact			m	363,704	392,800
229	Cáp CXV/DATA-1x95	19	Compact			m	488,704	527,800
230	Cáp CXV/DATA-1x120	19	Compact			m	607,963	656,600
231	Cáp CXV/DATA-1x150	19	Compact			m	750,000	810,000
232	Cáp CXV/DATA-1x185	37	Compact			m	943,148	1,018,600
233	Cáp CXV/DATA-1x240	37	Compact			m	1,193,148	1,288,600
234	Cáp CXV/DATA-1x300	61	Compact			m	1,534,167	1,656,900
235	Cáp CXV/DATA-1x400	61	Compact			m	1,988,704	2,147,800
XIV. CÁP NGẦM 2 LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC)								
236	Cáp CXV/DSTA-2x1.5	7	1,56			m	34,167	36,900
237	Cáp CXV/DSTA-2x2.5	7	2,01			m	48,796	52,700

60đ
GT
HÀ
DIỆ
↓ PH
1-T

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				ĐVT	Đơn giá	
		Dây pha		Trung tính			Chưa bao gồm VAT (8%)	Bao gồm VAT (8%)
		Số sợi	ĐK/Kiểu ruột dẫn	Số sợi	ĐK/Kiểu ruột dẫn		VNĐ	VNĐ
238	Cáp CXV/DSTA-2x4.0	7	2,55			m	62,500	67,500
239	Cáp CXV/DSTA-2x6.0	7	3,12			m	81,852	88,400
240	Cáp CXV/DSTA-2x10	7	Compact			m	118,148	127,600
241	Cáp CXV/DSTA-2x16	7	Compact			m	182,963	197,600
242	Cáp CXV/DSTA-2x25	7	Compact			m	272,685	294,500
243	Cáp CXV/DSTA-2x35	7	Compact			m	369,352	398,900
244	Cáp CXV/DSTA-2x50	19	Compact			m	488,704	527,800
245	Cáp CXV/DSTA-2x70	19	Compact			m	704,537	760,900
246	Cáp CXV/DSTA-2x95	19	Compact			m	965,833	1,043,100
247	Cáp CXV/DSTA-2x120	19	Compact			m	1,227,315	1,325,500
248	Cáp CXV/DSTA-2x150	19	Compact			m	1,477,315	1,595,500
XV. CÁP NGÀM 3 LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC)								
249	Cáp CXV/DSTA-3x1.5	7	1,56			m	48,796	52,700
250	Cáp CXV/DSTA-3x2.5	7	2.01			m	62,500	67,500
251	Cáp CXV/DSTA-3x4.0	7	2,55			m	82,963	89,600
252	Cáp CXV/DSTA-3x6.0	7	3,12			m	113,704	122,800
253	Cáp CXV/DSTA-3x10	7	Compact			m	176,204	190,300
254	Cáp CXV/DSTA-3x16	7	Compact			m	255,648	276,100
255	Cáp CXV/DSTA-3x25	7	Compact			m	403,333	435,600
256	Cáp CXV/DSTA-3x35	7	Compact			m	545,463	589,100
257	Cáp CXV/DSTA-3x50	19	Compact			m	761,296	822,200
258	Cáp CXV/DSTA-3x70	19	Compact			m	1,068,148	1,153,600
259	Cáp CXV/DSTA-3x95	19	Compact			m	1,420,463	1,534,100
260	Cáp CXV/DSTA-3x120	19	Compact			m	1,730,648	1,869,100
261	Cáp CXV/DSTA-3x150	19	Compact			m	2,159,167	2,331,900
262	Cáp CXV/DSTA-3x185	37	Compact			m	2,704,537	2,920,900
263	Cáp CXV/DSTA-3x240	37	Compact			m	3,545,463	3,829,100
264	Cáp CXV/DSTA-3x300	61	Compact			m	4,318,148	4,663,600
265	Cáp CXV/DSTA-3x400	61	Compact			m	5,568,148	6,013,600
XVI. CÁP NGÀM (3+1) LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC)								
266	Cáp CXV/DSTA-(3x2.5+1x1.5)	7	2,01	7	1,56	m	69,352	74,900
267	Cáp CXV/DSTA-(3x4.0+1x2.5)	7	2,55	7	2,01	m	101,204	109,300
268	Cáp CXV/DSTA-(3x6.0+1x4.0)	7	3,12	7	2,55	m	142,037	153,400
269	Cáp CXV/DSTA-(3x10+1x6.0)	7	Compact	7	3,12	m	204,537	220,900
270	Cáp CXV/DSTA-(3x16+1x10)	7	Compact	7	Compact	m	306,852	331,400
271	Cáp CXV/DSTA-(3x25+1x10)	7	Compact	7	Compact	m	440,833	476,100
272	Cáp CXV/DSTA-(3x25+1x16)	7	Compact	7	Compact	m	500,000	540,000
273	Cáp CXV/DSTA-(3x35+1x16)	7	Compact	7	Compact	m	625,000	675,000
274	Cáp CXV/DSTA-(3x35+1x25)	7	Compact	7	Compact	m	676,204	730,300
275	Cáp CXV/DSTA-(3x50+1x25)	19	Compact	7	Compact	m	875,000	945,000
276	Cáp CXV/DSTA-(3x50+1x35)	19	Compact	7	Compact	m	943,148	1,018,600
277	Cáp CXV/DSTA-(3x70+1x35)	19	Compact	7	Compact	m	1,250,000	1,350,000
278	Cáp CXV/DSTA-(3x70+1x50)	19	Compact	7	Compact	m	1,306,852	1,411,400
279	Cáp CXV/DSTA-(3x95+1x50)	19	Compact	7	Compact	m	1,715,833	1,853,100

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				ĐVT	Đơn giá	
		Dây pha		Trung tính			Chưa bao gồm VAT (8%)	Bao gồm VAT (8%)
		Số sợi	ĐK/Kiểu ruột dẫn	Số sợi	ĐK/Kiểu ruột dẫn		VNĐ	VNĐ
280	Cáp CXV/DSTA-(3x95+1x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,829,537	1,975,900
281	Cáp CXV/DSTA-(3x120+1x70)	19	Compact	19	Compact	m	2,159,167	2,331,900
282	Cáp CXV/DSTA-(3x120+1x95)	19	Compact	19	Compact	m	2,272,685	2,454,500
283	Cáp CXV/DSTA-(3x150+1x70)	19	Compact	19	Compact	m	2,556,852	2,761,400
284	Cáp CXV/DSTA-(3x150+1x95)	19	Compact	19	Compact	m	2,693,148	2,908,600
285	Cáp CXV/DSTA-(3x150+1x120)	19	Compact	19	Compact	m	2,795,463	3,019,100
286	Cáp CXV/DSTA-(3x185+1x95)	37	Compact	19	Compact	m	3,261,296	3,522,200
287	Cáp CXV/DSTA-(3x185+1x120)	37	Compact	19	Compact	m	3,386,296	3,657,200
288	Cáp CXV/DSTA-(3x185+1x150)	37	Compact	19	Compact	m	3,522,685	3,804,500
289	Cáp CXV/DSTA-(3x240+1x120)	37	Compact	19	Compact	m	3,977,315	4,295,500
290	Cáp CXV/DSTA-(3x240+1x150)	37	Compact	19	Compact	m	4,227,315	4,565,500
291	Cáp CXV/DSTA-(3x240+1x185)	37	Compact	37	Compact	m	4,448,796	4,804,700
292	Cáp CXV/DSTA-(3x300+1x150)	61	Compact	19	Compact	m	5,056,852	5,461,400
293	Cáp CXV/DSTA-(3x300+1x185)	61	Compact	37	Compact	m	5,397,685	5,829,500
294	Cáp CXV/DSTA-(3x300+1x240)	61	Compact	37	Compact	m	5,625,000	6,075,000
XVII. CÁP NGẦM 4 LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC)								
295	Cáp CXV/DSTA-4x1.5	7	1,56			m	56,852	61,400
296	Cáp CXV/DSTA-4x2.5	7	2.01			m	77,315	83,500
297	Cáp CXV/DSTA-4x4.0	7	2,55			m	104,537	112,900
298	Cáp CXV/DSTA-4x6.0	7	3,12			m	144,352	155,900
299	Cáp CXV/DSTA-4x10	7	Compact			m	223,796	241,700
300	Cáp CXV/DSTA-4x16	7	Compact			m	340,833	368,100
301	Cáp CXV/DSTA-4x25	7	Compact			m	545,463	589,100
302	Cáp CXV/DSTA-4x35	7	Compact			m	738,704	797,800
303	Cáp CXV/DSTA-4x50	19	Compact			m	1,079,537	1,165,900
304	Cáp CXV/DSTA-4x70	19	Compact			m	1,443,148	1,558,600
305	Cáp CXV/DSTA-4x95	19	Compact			m	1,988,704	2,147,800
306	Cáp CXV/DSTA-4x120	19	Compact			m	2,443,148	2,638,600
307	Cáp CXV/DSTA-4x150	19	Compact			m	3,011,296	3,252,200
308	Cáp CXV/DSTA-4x185	37	Compact			m	3,772,685	4,074,500
309	Cáp CXV/DSTA-4x240	37	Compact			m	4,715,833	5,093,100
310	Cáp CXV/DSTA-4x300	61	Compact			m	5,926,204	6,400,300
311	Cáp CXV/DSTA-4x400	61	Compact			m	7,670,463	8,284,100
XVIII. CÁP NGẦM (3+2) LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC)								
312	Cáp CXV/DSTA-(3x2.5+2x1.5)	7	2,01	7	1,56	m	82,963	89,600
313	Cáp CXV/DSTA-(3x4.0+2x2.5)	7	2,55	7	2,01	m	114,815	124,000
314	Cáp CXV/DSTA-(3x6.0+2x4.0)	7	3,12	7	2,55	m	164,815	178,000
315	Cáp CXV/DSTA-(3x10+2x6.0)	7	Compact	7	3,12	m	236,296	255,200
316	Cáp CXV/DSTA-(3x16+2x10)	7	Compact	7	Compact	m	350,000	378,000
317	Cáp CXV/DSTA-(3x25+2x16)	7	Compact	7	Compact	m	537,500	580,500
318	Cáp CXV/DSTA-(3x35+2x16)	7	Compact	7	Compact	m	670,463	724,100
319	Cáp CXV/DSTA-(3x35+2x25)	7	Compact	7	Compact	m	793,148	856,600
320	Cáp CXV/DSTA-(3x50+2x25)	19	Compact	7	Compact	m	970,463	1,048,100
321	Cáp CXV/DSTA-(3x50+2x35)	19	Compact	7	Compact	m	1,042,037	1,125,400

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				ĐVT	Đơn giá	
		Dây pha		Trung tính			Chưa bao gồm VAT (8%)	Bao gồm VAT (8%)
		Số sợi	ĐK/Kiểu ruột dẫn	Số sợi	ĐK/Kiểu ruột dẫn		VND	VND
322	Cáp CXV/DSTA-(3x70+2x35)	19	Compact	7	Compact	m	1,292,037	1,395,400
323	Cáp CXV/DSTA-(3x70+2x50)	19	Compact	19	Compact	m	1,468,148	1,585,600
324	Cáp CXV/DSTA-(3x95+2x50)	19	Compact	19	Compact	m	1,795,463	1,939,100
325	Cáp CXV/DSTA-(3x95+2x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,954,537	2,110,900
326	Cáp CXV/DSTA-(3x120+2x70)	19	Compact	19	Compact	m	2,295,463	2,479,100
327	Cáp CXV/DSTA-(3x120+2x95)	19	Compact	19	Compact	m	2,530,648	2,733,100
328	Cáp CXV/DSTA-(3x150+2x70)	19	Compact	19	Compact	m	2,818,148	3,043,600
329	Cáp CXV/DSTA-(3x150+2x95)	19	Compact	19	Compact	m	2,923,796	3,157,700
330	Cáp CXV/DSTA-(3x150+2x120)	19	Compact	19	Compact	m	3,212,500	3,469,500
331	Cáp CXV/DSTA-(3x185+2x95)	37	Compact	19	Compact	m	3,422,685	3,696,500
332	Cáp CXV/DSTA-(3x185+2x120)	37	Compact	19	Compact	m	3,711,296	4,008,200
333	Cáp CXV/DSTA-(3x185+2x150)	37	Compact	19	Compact	m	4,130,648	4,461,100
334	Cáp CXV/DSTA-(3x240+2x120)	37	Compact	19	Compact	m	4,405,648	4,758,100
335	Cáp CXV/DSTA-(3x240+2x150)	37	Compact	19	Compact	m	4,786,296	5,169,200
336	Cáp CXV/DSTA-(3x240+2x185)	37	Compact	37	Compact	m	5,034,167	5,436,900
337	Cáp CXV/DSTA-(3x300+2x150)	61	Compact	19	Compact	m	5,402,315	5,834,500
338	Cáp CXV/DSTA-(3x300+2x185)	61	Compact	37	Compact	m	5,795,463	6,259,100
339	Cáp CXV/DSTA-(3x300+2x240)	61	Compact	37	Compact	m	6,267,037	6,768,400

Thông tin : TRẦN PHÚ - TRAFUCO

VP HN: Đường Trần Danh Tuyên, Phường Phúc Lợi, TP Hà Nội.

NMSX: Lô in-1, KCN VIỆT NAM - Singapore (VSIP), Phúc Điền, Hải Phòng

Website: tranphu.vn (<http://tranphucable.com.vn/>)

Email: xinchao@tranphu.vn

Hotline: 19002255

HÀ NỘI, ngày 22 tháng 1 năm 2026

TL. TỔNG GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC KINH DOANH TOÀN QUỐC

**CỔ PHẦN
CƠ ĐIỆN
TRẦN PHÚ**

PHẠM ĐÌNH DOANH

